

Số: 12 /2019/QĐST- HNGĐ

Quỳnh Lưu, ngày 22 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 260/2018/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị M, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Xóm 6 TTh, xã QTh, huyện QL, Nghệ An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Xóm 6 TTh, xã QTh, huyện QL, Nghệ An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Sỹ L, sinh năm 1946

Địa chỉ: Xóm 6 TTh, xã QTh, huyện QL, Nghệ An.

- Ngân hàng chính sách xã hội V; Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quý Th; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện QL- Chi nhánh tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Xóm 4, xã Q, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

(Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55,59,62,63,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 98,166 Luật Đất đai.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Hữu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Giao con chung Nguyễn Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 cho chị Hồ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 03/5/2006 cho anh Nguyễn Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho hai bên vì không ai yêu cầu.

Anh Nguyễn Hữu H và chị Hồ Thị M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và đề nghị Tòa án ghi nhận theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 14/3/2018 như sau:

1. Về đất đai:

- Phân chia anh Nguyễn Hữu H quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299) thuộc thửa 181 tờ bản đồ số 30 (bản đồ địa chính) có diện tích 795,4m² trong đó có 200m² đất ở, 300m² đất vườn ghi trong giấy CNQSD đất cấp ngày 22/8/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Hữu H và tạm giao 295,4 m² đất tăng thêm ngoài diện tích ghi trong giấy CNQSD đất cấp ngày 22/8/2003; địa chỉ thửa đất tại xóm 6 TTh, xã QTh, huyện QL, trên phần đất được chia có các công trình phụ.

Vị trí đất được phân chia cho anh Hải như sau:

- + phía Bắc giáp đất của ông Trọng dài 51,11m
- + phía Tây giáp đất ông Truyền dài 15 m
- + phía Nam giáp phần đất chia cho chị Minh dài 43,14 m
- + phía Đông giáp đường bê tông xóm dài 22,60 m.

- Phân chia cho chị Hồ Thị M quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chia thửa đất số 15, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299) thuộc thửa 181 tờ bản đồ số 30 (bản đồ địa chính) có diện tích 776,6 m² trong đó có 200m² đất ở và 300m² đất vườn ghi trong giấy CNQSD đất cấp ngày 22/8/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Hữu H, và tạm giao 276,6 m² đất tăng thêm ngoài diện tích ghi trong giấy CNQSD đất cấp ngày 22/8/2003; địa chỉ thửa đất tại xóm 6 TTh, xã QTh, huyện QL, trên phần đất được chia có 01 nhà ngói cấp 4 hai gian, 01 nhà bếp.

Vị trí đất được phân chia của chị Minh như sau:

- + Phía Bắc giáp phần đất chia cho anh Hải dài 43,14 m
- + Phía Tây giáp đất ông Truyền dài 19,55 m
- + Phía Nam giáp đường xóm dài 36,82 m
- + Phía Đông giáp đường bê tông xóm dài 19,36 m

Đối với nhà ở, công trình phụ nằm trên phần đất chia cho ai thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng, không ai phải trích trả cho nhau phần chênh lệch giá trị công trình xây dựng trên đất được chia.

2. Về nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận theo văn bản thỏa thuận phân chia nợ chung ngày 14/3/2018 như sau:

- Giao anh Nguyễn Hữu H trực tiếp trả nợ cho:

1. Ngân hàng chính sách xã hội V (thông qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện QL) tiền gốc vay ngày 11/5/2012 là 8.000.000 (tám triệu) đồng và số tiền lãi suất phải trả cho đến khi trả xong tiền gốc vay trên.

2. Ông Nguyễn Sỹ L tiền gốc vay ngày 27/8/2017 là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

- Giao chị Hồ Thị M trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội (thông qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện QL) số tiền vay theo chương trình hộ nghèo vay ngày 13/4/2016 là 30.000.000 đồng (chị M đã trả xong ngày 13/3/2019 đã được Ngân hàng xác nhận). Các khoản vay khác ngoài số tiền trên nếu có thì chị M tự chịu trách nhiệm trả.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Hồ Thị M thỏa thuận chịu cả 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Hồ Thị M 1.025.000 (một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng trong số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí 1.175.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001865 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Hữu H phải chịu 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Tòa án tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QTh (nơi ĐKKH);
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Thắng